

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 06 năm 2016

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH	
ĐẾN	Số: 3700
	Ngày: 25/7/2016
Chuyên: .....	
Lưu hồ sơ số: .....	

## THÔNG BÁO

**Tuyển sinh Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II năm 2016 - Đợt 2  
của Trường Đại học Y Dược Huế**

Trường Đại học Y Dược Huế thông báo nội dung, kế hoạch tuyển sinh Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II năm 2016 - đợt 2 như sau:

### I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. CHUYÊN KHOA CẤP I:

Hệ tập trung 2 năm gồm các chuyên ngành sau:

- |                       |                                    |                                |
|-----------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1. Nội khoa           | 12. Huyết học – Truyền máu         | 23. Hoá sinh Y học             |
| 2. Ngoại khoa         | 13. Ký sinh trùng – côn trùng      | 24. Ung thư                    |
| 3. Sản phụ khoa       | 14. Dịch tễ học                    | 25. Lao                        |
| 4. Nhi khoa           | 15. Thần kinh                      | 26. Phục hồi chức năng         |
| 5. Nhãn khoa          | 16. Da liễu                        | 27. Điều dưỡng                 |
| 6. Răng Hàm Mặt       | 17. Y học dự phòng                 | 28. Hồi sức cấp cứu            |
| 7. Tai Mũi Họng       | 18. Vi sinh y học                  | 29. Cấp cứu đa khoa            |
| 8. Chẩn đoán hình ảnh | 19. Sinh lý                        | 30. Tổ chức quản lý Dược       |
| 9. Y tế công cộng     | 20. Truyền nhiễm và bệnh nhiệt đới | 31. Dược liệu – Dược cổ truyền |
| 10. Gây mê hồi sức    | 21. Tâm thần                       | 32. Dược lý – Dược lâm sàng    |
| 11. Y học cổ truyền   | 22. Y học gia đình                 |                                |

#### 1.2. CHUYÊN KHOA CẤP II:

Hệ tập trung 2 năm gồm các chuyên ngành sau:

- |                         |                  |  |
|-------------------------|------------------|--|
| 1. Nội khoa             | 11. Phụ khoa     | 21. Tâm thần                           |
| 2. Nội Thận – Tiết niệu | 12. Sản khoa     | 22. Mũi họng                           |
| 3. Nội Tim mạch         | 13. Nhi khoa     | 23. Huyết học                          |
| 4. Nội Nội tiết         | 14. Nhi Tim mạch | 24. Thần kinh                          |
| 5. Nội Tiêu hoá         | 15. Nhi Tiêu hóa | 25. Chẩn đoán hình ảnh                 |
| 6. Lão khoa             | 16. Nhi Thận     | 26. Hóa sinh y học                     |
| 7. Ngoại khoa           | 17. Nhi Sơ sinh  | 27. Y học cổ truyền                    |
| 8. Ngoại Tiêu hóa       | 18. Nhãn khoa    | 28. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới |
| 9. Ngoại Tiết niệu      | 19. Răng Hàm Mặt | 29. Gây mê hồi sức                     |
| 10. Sản phụ khoa        | 20. Quản lý Y tế |  |

## II. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI TUYỂN

### 2.1. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP I:

#### Thí sinh cần có các điều kiện sau:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học thuộc ngành học tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi và phải có chứng chỉ định hướng chuyên khoa đối với các chuyên ngành Nhân khoa, Răng Hàm Mặt, Tai Mũi Họng.

- Riêng các thí sinh hệ vừa làm vừa học phải có bằng tốt nghiệp Đại học thuộc ngành học tương ứng loại giỏi trở lên.

- Thời gian thâm niên công tác:

+ Đã công tác trong chuyên ngành từ 12 tháng trở lên (tính đến ngày 10/8/2016).

+ Các thí sinh hệ tự do: phải đóng kinh phí đào tạo theo quy định và phải có giấy xác nhận đã công tác trong chuyên ngành từ 12 tháng trở lên (tính đến ngày 10/8/2016) của một cơ sở y tế.

- Tuổi đời không quá 45 đối với nữ và 50 đối với nam (tính đến ngày 10/8/2016).

- Có đủ sức khỏe (theo Quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế, ĐHTH-CN và Dạy nghề số 10/TTLB ngày 18/8/1989 và công văn hướng dẫn 2445/TS ngày 20/5/1990 của Bộ Giáo dục & Đào tạo).

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học Chuyên khoa cấp I tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

### 2.2. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP II:

#### Thí sinh cần có các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành xin học từ 6 năm trở lên (không kể thời gian học Chuyên khoa cấp I); có bằng tốt nghiệp Bác sĩ Nội trú bệnh viện đã công tác trong chuyên ngành 03 năm (tính từ ngày tốt nghiệp bác sĩ nội trú); có bằng tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành tương ứng từ 6 năm trở lên. Thời gian và thâm niên công tác tính đến ngày 10/8/2016.

- Tuổi đời không quá 50 đối với nữ và 55 đối với nam (tính đến ngày 10/8/2016).

- Có đủ sức khỏe (theo Quy định tại thông tư liên Bộ Y tế, ĐHTH-CN và dạy nghề số 10/TTLB ngày 18/08/1989 và công văn hướng dẫn 2445/TS ngày 20/05/1990 của Bộ Giáo dục & Đào tạo).

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Các đối tượng ngoài biên chế nhà nước, nếu có nhu cầu học tập phải đóng kinh phí đào tạo theo đúng các quy định của Nhà nước.

- Người nước ngoài muốn học Chuyên khoa cấp II tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

### III. HỒ SƠ DỰ THI GỒM CÓ

1. Đơn xin dự thi: ghi rõ chuyên ngành dự thi và môn ngoại ngữ dự thi (đối với thí sinh thi tuyển Chuyên khoa cấp II).
2. Bản sao Giấy chứng nhận định hướng chuyên khoa (có công chứng) đối với các chuyên ngành Nhân khoa, Răng Hàm Mặt, Tai Mũi Họng.
3. Bản sao Bằng tốt nghiệp Đại học (có công chứng). Đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa cấp II thì phải có thêm bằng Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ hoặc Bác sĩ Nội trú tương ứng với chuyên ngành dự thi (kèm theo bản sao có công chứng bằng điểm).
4. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành.
5. Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan quản lý (nếu là cán bộ thuộc biên chế nhà nước), của chính quyền địa phương hay cơ sở hành nghề tư nhân (nếu không thuộc biên chế nhà nước).
6. Sơ yếu lý lịch: Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý (cơ quan hay địa phương hoặc cơ sở hành nghề tư nhân), ghi rõ nơi sinh theo tỉnh mới nếu có.
7. Giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp.
8. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và nơi sinh).
9. 04 phong bì có dán tem và ghi cụ thể địa chỉ người nhận.

Tất cả đựng trong túi hồ sơ; ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, đơn vị công tác, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và các mục giấy tờ xếp theo thứ tự nêu trên.

### IV. CÁC MÔN THI TUYỂN

#### 4.1. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP I: gồm 2 môn bắt buộc

##### - MÔN CƠ SỞ:

+ **Giải phẫu** cho các chuyên ngành Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Chẩn đoán hình ảnh, Ung thư, Sinh lý học

+ **Giải phẫu đầu mặt cổ** cho các chuyên ngành Nhân khoa, Tai Mũi Họng.

+ **Sinh lý** cho các chuyên ngành Nội khoa, Nhi khoa, Gây mê hồi sức, Tâm thần, Huyết học Truyền máu, Y học cổ truyền, Thần kinh, Da liễu, Truyền nhiễm và bệnh nhiệt đới, Y học gia đình, Lao, Hồi sức cấp cứu, Cấp cứu đa khoa, Phục hồi chức năng, Hóa sinh y học.

+ **Dịch tễ học cơ sở** cho các chuyên ngành Y tế công cộng, Y học dự phòng.

+ **Tổ chức Y tế** cho chuyên ngành Dịch tễ học.

+ **Ký sinh trùng** cho chuyên ngành Vi sinh Y học.

+ **Vi sinh** cho chuyên ngành Ký sinh trùng.

+ **Hóa phân tích** cho các chuyên ngành Tổ chức và Quản lý dược, Dược liệu - Dược cổ truyền, Dược lý - Dược lâm sàng.

+ **Cơ sở Răng Hàm Mặt** cho chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

+ **Điều dưỡng cơ bản** cho chuyên ngành Điều Dưỡng.

## - MÔN CHUYÊN NGÀNH:

Theo ngành xin học, riêng chuyên ngành Y học gia đình thi môn tổng hợp (Nội khoa + Ngoại khoa + Sản phụ khoa + Nhi khoa + Y tế công cộng), chuyên ngành Điều dưỡng thi môn Điều dưỡng đa khoa, chuyên ngành Y tế công cộng thi môn Tổ chức y tế.

## 4.2. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP II: gồm 2 môn bắt buộc:

### - MÔN CHUYÊN NGÀNH.

### - MÔN NGOẠI NGỮ: Tương đương trình độ C (Anh/ Pháp).

Các thí sinh đang làm việc ở các khu vực 1 và 2 nông thôn, nếu có một trong hai tiêu chuẩn sau sẽ được miễn thi ngoại ngữ đầu vào (nhưng trước khi tốt nghiệp phải thi đạt môn ngoại ngữ theo quy định tại công văn số 5267/BYT-K2ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ Y tế):

- \* Có thời gian công tác 3 năm trở lên liên tục tại khu vực 1.
- \* Không phải người dân tộc Kinh, công tác tại khu vực 2 nông thôn 3 năm liên tục trở lên.

## V. THỜI GIAN TỔ CHỨC ÔN TẬP VÀ THI

- Thời gian nhận hồ sơ: từ nay đến hết ngày: **10/08/2016**.
- Thời gian dự kiến cho ôn tập thi tuyển: từ ngày **15/08/2016** cho đến khi thi tuyển.
- Thời gian thi tuyển (dự kiến): **ngày 17 và 18 tháng 9 năm 2016**.
- Lệ phí:
  - + Đăng ký dự thi: **60.000đ/thí sinh/hồ sơ** (nộp khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi)
  - + Dự thi: **120.000đ/thí sinh/môn dự thi** (nộp khi làm thủ tục dự thi)

Đối với các địa phương có nhu cầu mở lớp Chuyên khoa cấp I, đề nghị địa phương làm việc cụ thể với Nhà trường và làm thủ tục theo đúng nội dung của công văn số 2634/BYT-K2ĐT ngày 14 tháng 05 năm 2014 của Bộ Y tế.

Mọi chi tiết (kể cả bộ hồ sơ dự thi) xin liên hệ Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Y Dược Huế, 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế.

Số điện thoại **054.3826451**, số máy lẻ: **1030** Email: **sdh.dhyh@gmail.com**

### Nơi nhận:

- Đại học Huế.
- Các Sở Y tế.
- Các Bệnh viện, các cơ sở y tế
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, THYT, TT Đào tạo Y tế
- Lưu VT; KH-TC, ĐT-SDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



**PGS.TS. Võ Tam**